**TRƯỜNG THCS PHONG PHÚ**

 **PHIẾU HƯỚNG DẪN TỰ HỌC MÔN NGỮ VĂN 8**

**TUẦN 14 (6/12- >12/12/2021)**

 **B. DẤU NGOẶC KÉP**

1. **Công dụng của dấu ngoặc kép:**

**\* Ví dụ/SGK / 141**

a. Thánh Găng - đi…….châm:” chinh phục…………..hơn”.

**=> Đánh dấu câu nói được dẫn trực tiếp**

b.Nhìn từ xa……..”dải lụa” ấy…..tấn!

**=> Đánh dấu từ ngữ hiểu theo nghĩa đặc biệt**

c.Tre với người……”văn minh”,”khai hóa”…….người.

**=> Đánh dấu từ ngữ có hàm ý mỉa mai.**

d.Hàng loạt…..”Tay người đàn bà”,”Giác ngộ”.’Bên kia sông Đuống”,….ra đời.

**=> Đánh dấu tên tác phẩm**

**II. Ghi nhớ: SGK/142**

…………………..

**C. LUYỆN NÓI : THUYẾT MINH VỀ MỘT THỨ ĐỒ DÙNG**

 ***(HS chỉ tham khảo dàn ý, không cần ghi bài )***

**Đề bài :**

 **Thuyết minh về cái phích nước ( bình thủy )**

**1.** **Mở bài**:

Bình thủy (phích nước) là một vật dụng phổ biến thường thấy ở mọi gia đình.

**2**. **Thân bài**:

a. Cấu tạo.

- Hình dáng: hình trụ tròn, có tay cầm, nắp đậy…có màu sắc, hình ảnh trang trí ….

- Vỏ bình: làm bằng kim loại hoặc nhựa để bảo vệ ruột bình ở bên trong…

- Phần ruột: Gồm hai lớp thủy tinh, ở giữa hai lớp đó là phần chân không, tráng bạc hoặc thủy ngân để giữ nhiệt không bị bức xạ…

- Dung tích khoảng 1,5 – 2,0 lít.

- Phần miệng: được thu nhỏ như cổ chai rồi loe ra như hoa loa kèn để nắp đậy khỏi tụt vào trong, nhằm hạn chế thoát nhiệt và dễ sử dụng…

- Hiệu quả giữ nhiệt: giữ được nhiệt độ nước từ 1000c – 700c trong khoảng 6 giờ.

b. Tác dụng:

- Giữ nước nóng để pha trà, sữa, nấu mì gói.

- Có thể nấu cháo cho bữa sáng …

- Bình dễ vỡ nên cần bảo quản tốtvà tránh xa tầm tay trẻ em.

3. **Kết bài**:

- Là vật dụng hữu ích đối với con người.

-Được ví như “máy nước nóng” đầy tiện lợi.

 ………………………………..

 **A.** **ĐẬP ĐÁ Ở CÔN LÔN**

 ***Phan Châu Trinh***

1. **Đọc, hiểu chú thích:**

***1. Tác giả:***

- Phan Châu Trinh (1872 – 1926),nhà chí sĩ yêu nước đầu TK XX, giỏi biện luận và có tài văn chương.

- Quê ở tỉnh Quảng Nam.

- Văn chương: thấm đẫm tinh thần yêu nước.

- Hoạt động cứu nước đa dạng, phong phú, sôi nổi…

***2. Tác phẩm:***

a.Hoàn cảnh sáng tác :

-Năm 1908, bị khép vào tội nổi loạn, TD Pháp bắt ông đày ra Côn Đảo.

-Bài thơ được làm trong lúc ông cùng các tù nhân khác bị bắt lao động khổ sai tại nhà tù Côn Đảo.

b. Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật.

c. PTBĐ: Biểu cảm (trữ tình).

1. **Đọc,hiểu văn bản**
2. ***Bốn câu thơ đầu: Hình ảnh người tù cách mạng***

-Làm trai đứng…. Côn Lôn.

-Lừng lẫy…lở núi non

->Tư thế hiên ngang, lẫm liệt, không khuất phục hoàn cảnh.

-Xách búa đánh tan….đống

-.……đập bể………..hòn

- Công việc đầy nặng nhọc,gian khổ

->Rèn luyện ý chí người tù.

 -> Giọng điệu: Hào sảng, khẳng khái, động từ mạnh giàu tính gợi tả.

=>Hình ảnh đẹp đầy hiên ngang, bất khuất của người tù cách mạng.

 **2.*Bốn câu thơ cuối:Những suy ngẫm của người tù cách mạng .***

- Tháng ngày bao quản…./ phép đối

- Mưa nắngcàng bền…. /

->Ý chí sắt đá, kiên định,bất chấp gian nan, thử thách.

-Những kẻ vá trời khi lỡ bước

-Gian nan chi kể…con con

->Ẩn dụ,giọng thơ trầm lắng,đầy suy tư

=> Bước sa chân nơi nhà tù chỉ là cơ hội tôi luyện thêm ý chí, nghị lực của người tù CM.

1. **Ghi nhớ: (SGK tr 150)**

 **C. LUYỆN TẬP VĂN THUYẾT MINH**

 **( THUYẾT MINH VỀ MỘT ĐỒ VẬT )**

**Đề bài : Giới thiệu về chiếc áo dài Việt Nam**

**A.Tìm hiểu đề, tìm ý :** dạng đề thuyết minh về một đồ vật quen thuộc với người Việt nam.

 -Đối tượng thuyết minh : chiếc áo dài Việt Nam.

 -Giới thiệu được nguồn gốc, hình dáng, cấu tạo, đặc điểm , cách bảo quản, giá trị của chiếc áo dài VN.

**B.Lập dàn ý :**

1. **Mở bài:** Giới thiệu khái quát về Chiếc áo dài Việt Nam.

**II. Thân Bài:**

**1. Nguồn gốc, xuất xứ**

– Căn cứ vào sử liệu, văn chương, điêu khắc, hội họa, sân khấu dân gian… chúng ta đã thấy hình ảnh tà áo dài qua nhiều giai đoạn lịch sử. Nghĩa là áo dài đã có từ rất lâu.

– Tiền thân của áo dài hơi giống áo tứ thân, sau đó qua lao động, sản xuất chiếc áo giao lãnh mới được chỉnh sửa để phù hợp với từng thời điểm.

**2. Chất liệu vải:** phong phú, đa dạng, nhưng đều có đặc điểm là mềm, nhẹ, thoáng mát.

**3. Kiểu dáng:**

– Cấu tạo:

+ Áo dài từ cổ xuống đến chân.

+ Cổ áo may theo kiểu cổ Tàu, cũng có khi là cổ thuyền, cổ tròn theo sở thích của người mặc. Khi mặc, cổ áo ôm khít lấy cổ, tạo vẻ kín đáo.

+ Khuy áo thường dùng bằng khuy bấm, từ cổ chéo sang vai rồi kéo xuống ngang hông.

+ Thân áo gồm 2 phần: Thân trước và thân sau, dài suốt từ trên xuống gần mắt cá chân.

+ Khi mặc áo ôm sát vào vòng eo, làm nổi bật vóc dáng của người phụ nữ.

+ Tà áo xẻ dài từ trên xuống, giúp người mặc đi lại dễ dàng, thướt tha, uyển chuyển.

– Khẳng định đó là nét đặc trưng khác biệt của chiếc áo dài việt Nam.

– Màu sắc: Đa dạng, tùy theo sở thích lựa chọn của mỗi người.

**4. Ý nghĩa.**

– Chiếc áo dài luôn giữ được tầm quan trọng của nó và trở thành bộ lễ phục của các bà, các cô.

– Áo dài Việt Nam đã được tổ chức Unesco công nhận là một di sản Văn hóa phi vật thể, là biểu tượng của người phụ nữ Việt Nam.

– Từ xưa đến nay chiếc áo dài đã trở thành tác phẩm mỹ thuật.

**III. Kết bài:**

– Ngày nay có nhiều kiểu áo thời trang của nước ngoài du nhập vào nước ta, nhưng trang phục truyền thống, chiếc áo dài dân tộc vẫn là một biểu tượng đẹp của người phụ nữ Việt Nam.

– Chiếc áo dài đã trở thành quốc phục. Đó là tâm hồn, cốt cách của người Việt gửi vào vẻ tha thướt, quyến rũ của chiếc áo.

**C.Viết bài :** căn cứ vào dàn ý trên, HS sẽ viết một đoạn văn về chiếc áo dài (có thể chọn đoạn mở bài hoặc một đoạn trong phần thân bài để viết)

…………….